

Bản án số: 27/2025/DS-ST
Ngày: 12/3/2025
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và đòi tiền công
lao động*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích;

2. Bà Đào Thị Tuyết Mai.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Minh Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre:* Ông Nguyễn Văn Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 391/2024/TLST-DS, ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tiền công lao động*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXX-ST ngày 05 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* 1. Bà **Bùi Thị Kim H**, sinh năm 1960 (Có mặt).

2. Ông **Đoàn Văn K**, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông K:* Bà **Bùi Thị Kim H**, sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà **Trần Thị Bé N**, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 27/6/2024, Bản tự khai và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cũng là người đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Văn K là bà Bùi Thị Kim H trình bày như sau:*

Tháng 3/2024, bà Trần Thị Bé N có thuê ông Đoàn Văn K làm công lao động cho bà, dọn cỏ 60 ngày, giá thỏa thuận 300.000 đồng/ngày, việc này hai bên thỏa thuận miệng, không có lập văn bản, nhưng việc dọn cỏ của ông K có những người hàng xóm của bà Bé N chứng kiến, biết sự việc này. Đến ngày 02/4/2024, bà H và ông K có cho bà Trần Thị Bé N vay số tiền 30.000.000 đồng, không thời hạn, lãi vay 1.500.000 đồng/tháng, bà Bé N đóng lãi 01 tháng nhưng không đóng nữa. Sau khi bà H, ông K làm đơn khởi kiện thì bà Bé N đã trả xong số tiền nợ 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu bà B Năm trả số tiền làm cỏ 15.000.000 đồng (250.000 đồng/ngày). Ngoài ra, không còn yêu cầu gì khác.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã tổng đạt hợp lệ cho bà Trần Thị Bé N các văn bản tố tụng nhưng bà Trần Thị Bé N vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử nên Tòa án không thu thập được lời khai của bà Trần Thị Bé N.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn có chấp hành tốt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Kim H, ông Đoàn Văn K về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Trần Thị Bé N.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Kim H, ông Đoàn Văn K về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”. Buộc bà Trần Thị Bé N có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị Kim H, ông Đoàn Văn K số tiền nợ 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Bùi Thị Kim H, ông Đoàn Văn K khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Bé N trả số tiền nợ vay, trả tiền làm công. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng dịch vụ” theo quy định tại Điều 463, Điều 513 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào Đơn xác nhận địa chỉ nơi cư trú bị đơn của Công an xã L thì bà Trần Thị Bé N có đăng ký thường trú tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre và hiện sinh sống tại địa phương. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị Bé N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng bà Bé N vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà Bé N là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 30.000.000 đồng. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về nội dung vụ án:

[5] Bà Bùi Thị Kim H, ông Đoàn Văn K khởi kiện cho rằng bà Trần Thị Bé N có thuê ông K làm công lao động, dọn cỏ khu đất với thỏa thuận 300.000 đồng/ngày, dọn cỏ, cây tạp 60 ngày với số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) đến nay chưa trả. Hai bên thỏa thuận miệng, không có làm hợp đồng, văn

bản. Tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền với giá 250.000 đồng/ngày với 60 ngày với số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Xét rằng, nguyên đơn khởi kiện cho rằng có thỏa thuận dịch vụ (dọn cỏ, làm vườn), mặc dù các bên có thỏa thuận miệng, không lập văn bản nhưng có xác nhận của những người làm chứng, xác nhận có sự việc ông Đoàn Văn K đã dọn cỏ, làm vườn khu đất của bà Trần Thị Bé N. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho bà Trần Thị Bé N việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết tranh chấp đối với hợp đồng dịch vụ giữa bà và ông K nhưng bà không có ý kiến phản đối.

Thấy rằng, bị đơn bà Bé N phản đối đối với các yêu cầu, tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn thì phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó nhưng bà B Năm không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ việc theo những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc là đúng quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phía nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ của bên cung cấp dịch vụ đầy đủ. Tuy nhiên, khi có yêu cầu trả tiền của thì bà Trần Thị Bé N không trả là đã vi phạm nghĩa vụ của bên sử dụng dịch vụ theo quy định tại Điều 515 Bộ luật dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Bé N đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến cũng như tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử vụ án nhưng bà Trần Thị Bé N vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến, đã thể hiện tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Kim H, ông Đoàn Văn K về số tiền vay 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) là có cơ sở và phù hợp với quy định tại các Điều 513, 514, 515, 519 của Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Lời đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do rút một phần yêu cầu khởi kiện và được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên bà Bùi Thị Kim H, ông Đoàn Văn K không phải chịu án phí, bà Trần Thị Bé N phải có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

Cụ thể:

$15.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 750.000 \text{ đồng}$ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 468, 513, 514, 515, 519 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Kim H, ông Đoàn Văn K đối với bà Trần Thị Bé N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Kim H, ông Đoàn Văn K đối với bà Trần Thị Bé N về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

3. Buộc bà Trần Thị Bé N có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị Kim H, ông Đoàn Văn K số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

4. Ghi nhận sự tự nguyện bà Bùi Thị Kim H, ông Đoàn Văn K không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Trần Thị Bé N phải chịu số tiền án phí là 750.000 đồng (B1 trăm năm mươi nghìn đồng).

H1 lại cho bà Bùi Thị Kim H, ông Đoàn Văn K số tiền án phí đã nộp là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004111 ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị Kim H, ông Đoàn Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị Bé N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Long Hồ